

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/KDTM-ST
Ngày: 16/02/2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
điện

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Ngô Phúc;
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Thơ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2022/TLST-KDTM ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán điện” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 281/2022/QĐXX-ST ngày 13 tháng 12 năm 2022, Thông báo dời ngày xét xử số 697/TB-TA ngày 26 tháng 12 năm 2022, Thông báo mở lại phiên xét xử số 07/TB-XX ngày 09 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Tổng Công Ty Đ – TNHH;

Trụ sở: số 72, Hai Bà Tr, phường B, quận 1, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Phước Đ1 – chức vụ: Tổng giám đốc Tổng Công Ty Đ.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Văn Tr, sinh năm 1967 – chức vụ: Giám đốc Điện Lực Châu Th – Công Ty Điện Lực A; Địa chỉ: quốc lộ 91, thị trấn A, huyện Ch, tỉnh A (theo giấy uỷ quyền số 4494/GUQ-EVN SPC ngày 07/06/2022). (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Th - Chủ Hộ Kinh Doanh Tr; (vắng mặt)

Nơi cư trú: tổ 19, ấp Thạnh Ph, xã B, huyện Ch, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn Tổng Công Ty Đ – TNHH do ông Trần Văn Tr làm đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Trong quá trình sử dụng điện bà Nguyễn Thị Th - Chủ Hộ Kinh Doanh Tr còn nợ tiền điện của Tổng Công Ty Đ – TNHH đại diện là Điện lực Châu Thành cụ thể:

Mã khách hàng PB12020080648, Hợp đồng mua bán điện số: 19000007 ngày 11/01/2019. Mua điện tại địa chỉ: tổ 19, ấp Thạnh Phú, xã Bình Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Hóa đơn tiền điện còn nợ là:

- Kỳ 02 tháng 11 năm 2021 với số tiền là: 47.182.850 đồng (số tiền sau thuế).

- Kỳ 01 tháng 12 năm 2021 với số tiền là: 48.326.520 đồng (số tiền sau thuế).

Tổng cộng bà Nguyễn Thị Th còn nợ Tổng Công Ty Đ – TNHH đại diện là Điện lực Châu Thành số tiền điện tương ứng là 95.509.370 đồng (số tiền sau thuế).

Đến ngày 15/11/2022, bà Nguyễn Thị Th có thanh toán tiền điện kỳ 01 tháng 12 năm 2021 với số tiền là 48.326.520 đồng (số tiền sau thuế).

Tính đến ngày 31/01/2023 bà Nguyễn Thị Th còn nợ tiền điện là 47.182.850 đồng (số tiền sau thuế).

Do đó, Tổng Công Ty Đ – TNHH xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 48.326.520 đồng, yêu cầu bà Nguyễn Thị Th - Chủ Hộ Kinh Doanh Tr trả số tiền điện còn nợ là 47.182.850 đồng (số tiền sau thuế) và thanh toán tiền lãi của khoản nợ chậm trả cho Tổng Công Ty Đ – TNHH theo quy định pháp luật.

* Toà án đã nhiều lần triệu tập bị đơn bà Nguyễn Thị Th - Chủ Hộ Kinh Doanh Tr để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, cũng như tham gia phiên toà nhưng bà Thế vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên toà:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Văn Tr xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 48.326.520 đồng của hóa đơn kỳ 01 tháng 12 năm 2021. Tuy nhiên Tổng Công Ty Đ - TNHH yêu cầu tính tiền lãi chậm trả đối với số tiền điện nợ 48.326.520 đồng của hóa đơn kỳ 01 tháng 12 năm 2021 từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán đến ngày thanh toán: 15 tháng 11 năm 2022 theo quy định pháp luật. Yêu cầu bà Nguyễn Thị Th phải trả số tiền điện còn nợ là 47.182.850 đồng (tiền sau thuế) của hóa đơn kỳ 02 tháng 11 năm 2021, đồng thời thanh toán tiền lãi của khoản tiền nợ chậm trả trên theo quy định của pháp luật cho bên bán điện tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán đến ngày xét xử. Đồng thời yêu cầu bà Thê phải tiếp tục chịu lãi theo quy định pháp luật của số tiền còn phải thi hành từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Th - Chủ Hộ Kinh Doanh Tr vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng.

+ Về việc giải quyết vụ án: Hợp đồng mua bán điện giữa nguyên đơn Tổng Công Ty Đ – TNHH và bà Nguyễn Thị Th - Chủ Hộ Kinh Doanh Tr thực tế có phát sinh, sự việc được chứng minh qua Hợp đồng mua bán điện số: 19000007 ngày 11 tháng 01 năm 2019. Mua điện tại địa chỉ: Tổ 19, ấp Thạnh Phú, xã Bình Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Quá trình sử dụng điện bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận của hợp đồng kỳ 02 tháng 11 năm 2021 số tiền là 47.182.850 đồng và kỳ 01 tháng 12 năm 2021 số tiền là 48.326.520 đồng với tổng số tiền là: 95.509.370 đồng. Việc vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bị đơn đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn Tổng Công Ty Đ – TNHH khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền trên và lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật cho bên bán điện tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán đến ngày xét xử là có căn cứ đúng theo quy định. Đến ngày 15 tháng 11 năm 2022, bị đơn bà Nguyễn Thị Th có thanh toán tiền điện kỳ 01 tháng 12 năm 2021 với số tiền là: 48.326.520 đồng (tiền sau thuế).

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 48.326.520 đồng của hóa đơn kỳ 01 tháng 12 năm 2021 do vào ngày 15 tháng 11 năm 2022 bà Nguyễn Thị Th đã thanh toán tiền điện kỳ 01 tháng 12 năm 2021 với số tiền là: 48.326.520 đồng (tiền sau thuế). Tuy nhiên, yêu cầu tính tiền lãi chậm trả đối với số tiền điện nợ 48.326.520 đồng của hóa đơn kỳ 1 tháng 12 năm 2021 từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán đến ngày thanh toán 15 tháng 11 năm 2022 theo quy định pháp luật. Đồng thời, yêu cầu bà Nguyễn Thị Th phải trả số tiền điện còn nợ là 47.182.850 đồng (tiền sau thuế) của hóa đơn kỳ 02 tháng 11 năm 2021 và thanh toán tiền lãi của khoản tiền nợ chậm trả theo quy định của pháp luật cho bên bán điện tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán đến ngày xét xử là có căn cứ đúng theo quy định. Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 24, Điều 50, Điều 306, Điều 317 và Điều 319 Luật thương mại chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Th phải trả số tiền điện còn nợ là 47.182.850 đồng (tiền sau thuế) của hóa đơn kỳ 02 tháng 11 năm 2021 và thanh toán tiền lãi của khoản tiền nợ chậm trả theo quy định của pháp luật cho bên bán điện tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán đến ngày xét xử và tiền lãi chậm trả đối với số tiền điện nợ 48.326.520 đồng của hóa đơn kỳ 01 tháng 12 năm 2021 từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán đến ngày thanh toán 15 tháng 11 năm 2022 theo quy định pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền điện nợ 48.326.520 đồng của hóa đơn kỳ 01 tháng 12 năm 2021.

Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn Tổng Công Ty Đ – TNHH khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Th - Chủ Hộ Kinh Doanh Tr phải trả tiền nợ điện và thanh toán tiền lãi của khoản nợ chậm trả theo quy định pháp luật. Xét thấy, Tổng Công Ty Đ – TNHH và bà Nguyễn Thị Th - Chủ Hộ Kinh Doanh Tr đều có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận, do đó đây là tranh chấp kinh doanh thương mại - tranh chấp hợp đồng mua bán điện theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Việc mua bán điện giữa Tổng Công Ty Đ – TNHH và bà Nguyễn Thị Th - Chủ Hộ Kinh Doanh Tr phát sinh từ hợp đồng mua bán điện số 19000007 ngày 11/01/2019. Tại hợp đồng mua bán điện số 19000007 ngày 11/01/2019 xác định việc mua bán điện và đặt thiết bị đo đếm điện được thực hiện tại tổ 19, ấp Thạnh Phú, xã Bình Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Do đó, căn cứ b khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

1.3 Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Thị Th - Chủ Hộ Kinh Doanh Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Thế.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tổng Công Ty Đ – TNHH thấy:

Tại đơn khởi kiện Tổng Công Ty Đ – TNHH yêu cầu Tòa án buộc Nguyễn Thị Th - Chủ Hộ Kinh Doanh Tr phải trả cho Tổng Công Ty Đ – TNHH số tiền điện còn nợ là 95.509.370 đồng (số tiền sau thuế). Tại tờ tự khai ngày 31/01/2022 và tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của Tổng Công Ty Đ – TNHH trình bày: vào ngày 15/11/2022 thì bà Thế có thanh toán tiền điện kỳ 01 tháng 12 năm 2021 với số tiền là 48.326.520 đồng (số tiền sau thuế), đến thời điểm hiện tại bà Nguyễn Thị Th còn nợ tiền điện là 47.182.850 đồng (số tiền sau thuế) và xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 48.326.520 đồng, chỉ yêu cầu bà Thế trả cho Tổng Công Ty Đ – TNHH số tiền điện là 47.182.850 đồng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ khoản 2

Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này.

Căn cứ hợp đồng mua bán số 19000007 ngày 11/01/2019 giữa Tổng Công Ty Đ – TNHH và bà Nguyễn Thị Th - Chủ Hộ Kinh Doanh Tr đã xác định giữa Tổng Công Ty Đ – TNHH đại diện là Điện lực Châu Thành và bà Nguyễn Thị Th - Chủ Hộ Kinh Doanh Tr có xác lập quan hệ mua bán hàng hóa là điện năng. Xét thấy, sự thoả thuận giữa Tổng Công Ty Đ – TNHH và bà Nguyễn Thị Th - Chủ Hộ Kinh Doanh Tr là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung của thoả thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được xem là hợp pháp, qua đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Quá trình thực hiện hợp đồng bà Nguyễn Thị Th - Chủ Hộ Kinh Doanh Tr đã vi phạm thỏa thuận là không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho Tổng Công Ty Đ – TNHH theo quy định tại Điều 50 Luật Thương mại; qua đối chiếu 02 hóa đơn tiền điện ngày 26/11/2021, ngày 12/12/2021 và lời trình bày của ông Trần Văn Tr đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì đến thời điểm hiện tại bà Nguyễn Thị Th còn nợ tiền điện là 47.182.850 đồng (số tiền sau thuế) của kỳ 02 tháng 11 năm 2021.

Việc vi phạm nghĩa vụ bà Nguyễn Thị Th - Chủ Hộ Kinh Doanh Tr đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Tổng Công Ty Đ – TNHH, do đó việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả một lần số tiền 47.182.850 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tổng Công Ty Đ – TNHH, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Th - Chủ Hộ Kinh Doanh Tr có nghĩa vụ trả cho Tổng Công Ty Đ – TNHH số tiền điện còn nợ là 47.182.850 đồng (số tiền sau thuế).

* *Về lãi suất*: Tại tờ tự khai ngày 31/01/2023 và tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật đối với số tiền điện nợ 48.326.520 đồng của hóa đơn kỳ 01 tháng 12 năm 2021 từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán đến ngày thanh toán: 15 tháng 11 năm 2022 và đối với số tiền điện nợ 47.182.850 đồng của hóa đơn kỳ 02 tháng 11 năm 2021 tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán đến ngày xét xử. Xét thấy, yêu cầu trả tiền lãi chậm trả của nguyên đơn là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật Thương mại nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án thì Tổng Công Ty Đ – TNHH yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật. Điều 306 Luật Thương mại quy định: *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”*. Tại điểm b khoản 2 Điều 6 Các điều khoản chung của Hợp đồng hợp đồng mua bán điện số 19000007 ngày 11/01/2019 giữa Tổng Công Ty Đ – TNHH và bà Nguyễn Thị Th - Chủ Hộ Kinh Doanh Tr có thỏa thuận về việc tính lãi suất chậm thanh toán tiền mua điện: *“Tiền lãi được tính bằng số tiền chậm trả nhân với mức*

lãi suất cho vay cao nhất của Ngân hàng mà bên A có tài khoản ghi trong hợp đồng tại thời điểm thanh toán nhân với số ngày chậm trả, tính từ ngày bên B phải thanh toán đến ngày bên B thanh toán”. Do hai bên có thỏa thuận về lãi suất trong hợp đồng nên lãi suất trong trường hợp này được xác định theo thỏa thuận của các bên. Theo đó lãi suất chậm thanh toán tiền mua điện sẽ theo mức lãi suất cho vay cao nhất của các ngân hàng mà Tổng Công Ty Đ – TNHH mở tài khoản. Tòa án đã tiến hành thu thập lãi suất cho vay của các ngân hàng mà Tổng Công Ty Đ – TNHH mở tài khoản, xác định mức lãi suất cho vay cao nhất là 12,5%/năm, từ đó xác định mức lãi suất thỏa thuận giữa Tổng Công Ty Đ – TNHH và bà Nguyễn Thị Th - Chủ Hộ Kinh Doanh Tr là 12,5%/năm. Xét thấy, mức lãi suất các bên thỏa thuận phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật Thương mại nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận, buộc bà Nguyễn Thị Th - Chủ Hộ Kinh Doanh Tr có nghĩa vụ trả cho Tổng Công Ty Đ – TNHH số tiền lãi là:

Lãi suất: 12,5%/năm : 12 tháng = 1,0416%/tháng

1,0416%/tháng : 30 ngày = 0,0347%/ngày

* Kỳ 02 – tháng 11/2021: Từ ngày 03/12/2021 đến ngày xét xử 16/02/2023 là: 14 tháng 12 ngày.

47.182.850 đồng x 1,0416%/tháng x 14 tháng = 6.880.391 đồng

47.182.850 đồng x 0,0347%/ngày x 12 ngày = 196.469 đồng

Tổng lãi kỳ 02 – tháng 11/2021: 6.880.391 đồng + 196.469 đồng = 7.076.860 đồng.

* Kỳ 01 – tháng 12/2021: Từ ngày 19/12/2021 đến ngày 15/11/2022 là 10 tháng 25 ngày.

48.326.520 đồng x 1,0416%/tháng x 10 tháng = 5.033.690 đồng

48.326.520 đồng x 0,0347%/ngày x 25 ngày = 419.232 đồng

Tổng lãi kỳ 01 – tháng 12/2021: 5.033.690 đồng + 419.232 đồng = 5.452.922 đồng.

Tổng số tiền lãi của 02 kỳ phải trả là: 7.076.860 đồng + 5.452.922 đồng = 12.529.782 đồng.

[3] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ vào quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên Tổng Công Ty Đ – TNHH được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Th - Chủ Hộ Kinh Doanh Tr phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 3.000.000 đồng.

[4] *Quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 24, Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tổng Công Ty Đ – TNHH về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Th - Chủ Hộ Kinh Doanh Tr phải trả cho Tổng Công Ty Đ – TNHH số tiền 48.326.520 đồng (Bốn mươi tám triệu, ba trăm hai mươi sáu ngàn, năm trăm hai mươi đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tổng Công Ty Đ – TNHH. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Th - Chủ Hộ Kinh Doanh Tr phải trả cho Tổng Công Ty Đ – TNHH đại diện là Điện lực Châu Thành số tiền điện là 47.182.850 đồng và lãi suất là 12.529.782 đồng. Tổng vốn gốc và lãi là 59.712.632 đồng (Năm mươi chín triệu, bảy trăm mười hai ngàn, sáu trăm ba mươi hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận (12,5%/tháng).

3. Về án phí sơ thẩm:

Nguyên đơn Tổng Công Ty Đ – TNHH được nhận lại số tiền 2.387.000 đồng (hai triệu, ba trăm tám mươi bảy ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003827 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Th - Chủ Hộ Kinh Doanh Tr phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn Tổng Công Ty Đ – TNHH được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Nguyễn Thị Th - Chủ Hộ Kinh Doanh Tr được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV & THA;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Kim Quyên

)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 52-DS:

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

- (1) Nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).
- (2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: “Số:100/2017/DS-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: “Số:108/2017/HNGĐ-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: “Số:110/2017/KDTM-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: “Số:115/2017/LĐ-ST”).
- (3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.
- (4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà, bỏ dòng “Thẩm phán...”, đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên toà và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ “Tòa án nhân dân” thành “Viện kiểm sát nhân dân”.

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ “Trong các” (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi “Trong các ngày” (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi: “Từ ngày đến ngày” (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ “công khai” bằng từ “kín”.

(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi “DS”; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi “HNGĐ”; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi “KDTM”; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi “LĐ” (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên). Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...”.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.

(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(25) Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phân tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất; đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên đương sự.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; phân tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (nếu có); yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)